

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên	
Bà Hà Lan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2023
Bà Đinh Thị Khởi	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2023
Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2023
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2023
Ông Lê Văn Sơn	miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12210159/66910138

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

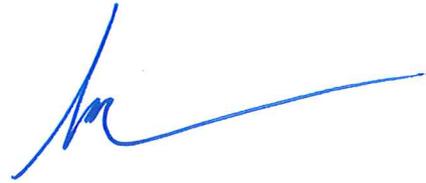
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2020-004-1



Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5627-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.944.331.179.512	1.873.063.115.582
110	I. Tiền		50.273.990.216	30.556.323.557
111	1. Tiền	4	50.273.990.216	30.556.323.557
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.020.200.668.353	1.105.452.328.329
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	952.415.532.346	1.015.628.750.820
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	21.803.253.328	36.160.747.433
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	70.943.454.859	66.679.349.403
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(24.961.572.180)	(13.016.519.327)
140	III. Hàng tồn kho	8	860.259.783.505	722.279.243.718
141	1. Hàng tồn kho		864.656.693.422	730.827.861.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.396.909.917)	(8.548.617.873)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		13.596.737.438	14.775.219.978
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.993.977.525	460.604.987
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.602.759.913	14.314.614.991
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		221.237.248.291	238.804.069.888
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.662.000.000	1.662.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.662.000.000	1.662.000.000
220	II. Tài sản cố định		174.770.531.716	184.623.113.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	93.216.873.407	101.019.787.275
222	Nguyên giá		185.752.619.336	184.176.127.088
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(92.535.745.929)	(83.156.339.813)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	81.553.658.309	83.603.326.672
228	Nguyên giá		97.704.403.845	97.552.144.019
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.150.745.536)	(13.948.817.347)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		270.000.001	1.732.602.698
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	270.000.001	1.732.602.698
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	43.822.322.086	49.580.289.512
251	1. Đầu tư vào công ty con		16.587.396.125	16.587.396.125
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.520.408.664	3.520.408.664
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.757.967.426)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		712.394.488	1.206.063.731
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	712.394.488	1.206.063.731
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.165.568.427.803	2.111.867.185.470

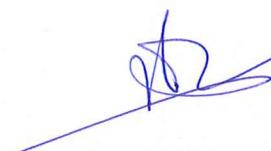
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.954.645.902.800	1.902.338.916.386
310	I. Nợ ngắn hạn		1.895.397.683.108	1.838.413.876.814
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.075.393.567.677	1.102.732.153.066
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	27.944.900.536	35.450.536.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.515.282.113	1.564.117.106
314	4. Phải trả người lao động		6.629.222.766	6.412.287.215
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.094.054.880	1.525.898.991
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	19.045.230.493	10.325.909.554
320	8. Vay ngắn hạn	18	762.725.780.714	678.980.237.269
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	1.373.093.026
330	II. Nợ dài hạn		59.248.219.692	63.925.039.572
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	30.000.000.000	30.000.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		248.219.692	297.863.572
338	3. Vay dài hạn	18	29.000.000.000	33.627.176.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		210.922.525.003	209.528.269.084
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	210.922.525.003	209.528.269.084
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.737.609.209	18.343.353.290
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.059.833.290	5.172.004.383
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		8.677.775.919	13.171.348.907
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.165.568.427.803	2.111.867.185.470



Ngô Anh Tuấn
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.052.919.375.941	3.065.366.959.976
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(22.818.103.573)	(42.443.555.623)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.030.101.272.368	3.022.923.404.353
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(2.821.451.528.685)	(2.819.113.427.471)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		208.649.743.683	203.809.976.882
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	37.436.756.804	33.326.704.090
22	7. Chi phí tài chính	23	(64.526.999.999)	(41.845.014.849)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(53.113.210.262)	(36.067.811.905)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(115.876.140.533)	(121.591.570.861)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(47.950.658.845)	(45.432.989.615)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.732.701.110	28.267.105.647
31	11. Thu nhập khác	24	508.561.286	479.745.798
32	12. Chi phí khác	24	(2.551.607.132)	(363.492.249)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	24	(2.043.045.846)	116.253.549
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.689.655.264	28.383.359.196
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(4.703.182.370)	(5.749.370.289)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.986.472.894	22.633.988.907

Ngô Anh Tuấn
Người lập

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng

Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

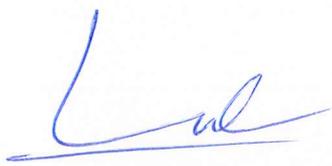
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.689.655.264	28.383.359.196
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	14.411.638.582	13.860.300.004
03	Dự phòng		20.020.283.139	15.666.737.525
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.788.542.492	1.200.931.218
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(247.226.285)	(346.193.016)
06	Chi phí lãi vay	23	53.113.210.262	36.067.811.905
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		104.776.103.454	94.832.946.832
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		75.930.132.835	(82.003.003.063)
10	Tăng hàng tồn kho		(140.297.802.647)	(91.276.511.268)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(22.421.874.461)	183.696.989.331
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.039.703.295)	2.934.609.253
14	Tiền lãi vay đã trả		(52.590.363.175)	(36.437.155.008)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.826.665.069)	(5.830.189.287)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.681.790.001)	(5.920.166.905)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(44.151.962.359)	59.997.519.885
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.402.794.347)	(5.671.563.421)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		505.414.768	501.290.391
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		48.152.210	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.849.227.369)	(5.170.273.030)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	2.403.455.189.446	1.965.560.981.879
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(2.324.336.822.001)	(2.062.987.080.355)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(12.742.265.000)	(12.740.108.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		66.376.102.445	(110.166.206.976)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		19.374.912.717	(55.338.960.121)
60	Tiền đầu năm	4	30.556.323.557	85.876.582.977
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		342.753.942	18.700.701
70	Tiền cuối năm	4	50.273.990.216	30.556.323.557



Ngô Anh Tuấn
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 446 (31 tháng 12 năm 2022: 438).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, giá mua và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	776.151.536	1.544.121.882
Tiền gửi ngân hàng	49.497.838.680	29.012.201.675
TỔNG CỘNG	50.273.990.216	30.556.323.557

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	952.415.532.346	1.005.107.748.950
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	-	10.521.001.870
TỔNG CỘNG	952.415.532.346	1.015.628.750.820
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (<i>Thuyết minh số 7</i>)	(20.744.680.332)	(8.969.258.368)
GIÁ TRỊ THUẦN	931.670.852.014	1.006.659.492.452

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Brawn Laboratories Ltd	6.550.781.250	-
Piramal Pharma Ltd	3.243.555.176	-
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Y tế Thịnh Phát	2.051.842.698	7.952.960.157
Prime Pharmaceuticals Ltd - India	1.818.575.291	-
Extractum Pharma Co.Ltd	1.089.027.805	-
Bay Pharma Inc	561.366.720	-
Ambica International Corporation	-	20.513.298.000
Remedina S.A	-	2.805.917.959
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	-	328.265.078
Các công ty khác	6.488.104.388	4.560.306.239
TỔNG CỘNG	21.803.253.328	36.160.747.433
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 7</i>)	(508.336.405)	(792.251.125)
GIÁ TRỊ THUẦN	21.294.916.923	35.368.496.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	70.943.454.859	66.679.349.403
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	27.797.482.028	26.892.253.058
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	18.152.997.664	17.020.450.597
Lãi phạt trả chậm	16.235.169.910	5.855.856.416
Ký quỹ, ký cược	1.779.218.047	10.558.360.504
Tạm ứng cho nhân viên	1.325.660.262	1.062.918.212
Khác	5.652.926.948	5.289.510.616
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	<i>70.642.051.127</i>	<i>66.327.945.671</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>301.403.732</i>	<i>351.403.732</i>
Dài hạn	1.662.000.000	1.662.000.000
Ký quỹ, ký cược	1.662.000.000	1.662.000.000
TỔNG CỘNG	72.605.454.859	68.341.349.403
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 7)	(3.708.555.443)	(3.255.009.834)
GIÁ TRỊ THUẦN	68.896.899.416	65.086.339.569

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	33.600.246.143	(20.744.680.332)	12.855.565.811	33.049.675.292	24.080.416.924
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	20.385.362.610	(10.438.087.684)	9.947.274.926	18.409.596.292	18.409.596.292
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	-
Nguyễn Tú Hậu	1.964.145.175	(264.145.175)	1.700.000.000	1.974.833.225	1.974.833.225
Cửa hàng Dược phẩm Trung Ương 2	1.773.516.284	(1.773.516.284)	-	1.773.516.284	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 10 - Cửa Hàng Số 52	1.336.000.017	(400.800.005)	935.200.012	1.836.000.017	1.836.000.017
Công ty TNHH Dược phẩm La Trí	298.835.186	(298.835.186)	-	851.335.185	851.335.185
Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Olympic	200.000.000	(200.000.000)	-	200.000.000	-
Công ty TNHH Triệu Anh Quân	196.459.500	(58.937.850)	137.521.650	281.748.500	281.748.500
Các khách hàng khác	450.185.287	(314.616.064)	135.569.223	726.903.705	726.903.705
Phải thu ngắn hạn khác	3.914.610.839	(3.708.555.443)	206.055.396	5.377.528.825	2.122.518.991
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	2.706.345.617	811.903.685
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	(816.000.000)	-	866.000.000	259.800.000
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(281.687.826)	206.055.396	396.175.307	396.175.307
Bhargava Phytolab Pvt. Ltd.	-	-	-	1.409.007.901	654.639.999
Trả trước cho người bán ngắn hạn	508.336.405	(508.336.405)	-	792.251.125	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	508.336.405	(508.336.405)	-	792.251.125	-
TỔNG CỘNG	38.023.193.387	(24.961.572.180)	13.061.621.207	39.219.455.242	26.202.935.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ QUÁ HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.016.519.327	1.983.791.169
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	12.983.335.475	11.980.387.610
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(1.038.282.622)</u>	<u>(947.659.452)</u>
Số cuối năm	<u>24.961.572.180</u>	<u>13.016.519.327</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	719.678.325.209	670.556.145.069
Hàng mua đang đi đường	<u>144.978.368.213</u>	<u>60.271.716.522</u>
TỔNG CỘNG	864.656.693.422	730.827.861.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(4.396.909.917)</u>	<u>(8.548.617.873)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>860.259.783.505</u>	<u>722.279.243.718</u>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.548.617.873	3.914.608.506
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.372.372.021	4.643.556.263
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(6.468.970.816)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(2.055.109.161)</u>	<u>(9.546.896)</u>
Số cuối năm	<u>4.396.909.917</u>	<u>8.548.617.873</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.993.977.525	460.604.987
Chi phí thuê	1.454.312.450	181.220.006
Chi phí bảo trì, sửa chữa	164.999.996	67.936.501
Khác	374.665.079	211.448.480
Dài hạn	712.394.488	1.206.063.731
Chi phí bảo trì, sửa chữa	<u>712.394.488</u>	<u>1.206.063.731</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.706.372.013</u>	<u>1.666.668.718</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quân lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	95.469.478.136	47.235.911.322	37.780.447.244	3.632.482.923	57.807.463	184.176.127.088
Mua trong năm	496.930.741	833.430.346	2.791.619.957	-	-	4.121.981.044
Thanh lý	-	-	(2.014.385.854)	(531.102.942)	-	(2.545.488.796)
Số cuối năm	95.966.408.877	48.069.341.668	38.557.681.347	3.101.379.981	57.807.463	185.752.619.336
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	7.163.447.078	932.558.098	14.615.758.208	2.317.678.073	57.807.463	25.087.248.920
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	28.400.377.616	26.074.143.363	25.293.728.990	3.330.282.381	57.807.463	83.156.339.813
Khấu hao trong năm	4.359.402.156	4.720.772.112	2.383.488.701	154.891.250	-	11.618.554.219
Thanh lý	-	-	(1.716.488.670)	(522.659.433)	-	(2.239.148.103)
Số cuối năm	32.759.779.772	30.794.915.475	25.960.729.021	2.962.514.198	57.807.463	92.535.745.929
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	67.069.100.520	21.161.767.959	12.486.718.254	302.200.542	-	101.019.787.275
Số cuối năm	63.206.629.105	17.274.426.193	12.596.952.326	138.865.783	-	93.216.873.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	95.082.437.845	2.469.706.174	97.552.144.019
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	743.416.000	743.416.000
Thanh lý	-	(591.156.174)	(591.156.174)
Số cuối năm	95.082.437.845	2.621.966.000	97.704.403.845
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	558.677.536	-	558.677.536
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	12.519.582.846	1.429.234.501	13.948.817.347
Hao mòn trong năm	2.539.673.028	253.411.335	2.793.084.363
Thanh lý	-	(591.156.174)	(591.156.174)
Số cuối năm	15.059.255.874	1.091.489.662	16.150.745.536
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	82.562.854.999	1.040.471.673	83.603.326.672
Số cuối năm	80.023.181.971	1.530.476.338	81.553.658.309

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống điều hòa không khí và phòng cháy chữa cháy	105.000.000	234.022.300
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	99.000.001	1.162.646.000
Sửa chữa kho	66.000.000	216.000.000
Khác	-	119.934.398
TỔNG CỘNG	270.000.001	1.732.602.698

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 13.1</i>)	16.587.396.125	16.587.396.125
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 13.2</i>)	3.520.408.664	3.520.408.664
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 13.3</i>)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	49.580.289.512	49.580.289.512
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(5.757.967.426)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	43.822.322.086	49.580.289.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào	Sản xuất và phân phối thuốc	93,7	<u>16.587.396.125</u>	93,7	<u>16.587.396.125</u>

Chi tiết giá trị thuần khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần (*)	Giá gốc	Giá trị thuần
	<u>16.587.396.125</u>	<u>10.829.428.699</u>	<u>16.587.396.125</u>	<u>16.587.396.125</u>

(*) Công ty đang trong quá trình đề xuất phương án hoạt động cho Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào. Giá trị thuần của khoản đầu tư vào công ty con được Công ty lập căn cứ theo Báo cáo đánh giá việc trích lập dự phòng Codupha-Lào số 959/2023/CDP ngày 20 tháng 8 năm 2023 với giá trị dự phòng trích lập là 5.757.967.426 VND.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư vào công ty con:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	<u>5.757.967.426</u>	-
Số cuối năm	<u>5.757.967.426</u>	-

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30	<u>3.520.408.664</u>	30	<u>3.520.408.664</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	3,68	22.983.000.000	3,68	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	6.017.000.000	3,82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	17,20	472.484.723	17,20	472.484.723
TỔNG CỘNG			29.472.484.723		29.472.484.723

(*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

	VND	
	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.075.393.567.677	1.102.732.153.066
Phải trả các bên khác	1.074.208.305.965	1.101.227.845.162
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam</i>	289.484.276.110	368.591.503.681
<i>Các công ty khác</i>	784.724.029.855	732.636.341.481
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.185.261.712	1.504.307.904
Dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.105.393.567.677	1.132.732.153.066

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	15.968.616.932	7.419.523.377	
Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng	3.479.000.000	-	
Ban Quản Lý Dự án Đầu tư Xây dựng Và Khu vực Phát triển Đô thị Tỉnh An Giang	2.261.533.002	-	
Công ty TNHH Dược phẩm An Vượng	-	12.268.580.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Shandong Guoxin	-	4.439.703.784	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Y dược Medimed	-	2.602.866.655	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thế Giới Mới	-	2.034.638.120	
Các công ty khác	6.235.750.602	6.685.224.722	
TỔNG CỘNG	27.944.900.536	35.450.536.658	

15. THUẾ

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm		VND
	Phải thu	Phải trả				Phải thu	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	-	(65.679.051)	(158.865.155.556)	158.297.879.699	632.954.908	-	-	
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	-	-	(36.690.036.015)	-	36.690.036.015	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	(4.129.680.873)	-	4.126.543.286	-	(3.137.587)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.424.916.943)	(4.703.182.370)	-	4.826.665.069	-	(1.301.434.244)	
Thuế thu nhập cá nhân	-	(73.521.112)	(945.466.783)	-	808.277.613	-	(210.710.282)	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	(8.183.578)	-	8.183.578	-	-	
Các loại thuế khác	-	-	(36.400.000)	-	36.400.000	-	-	
TỔNG CỘNG	-	(1.564.117.106)	(205.378.105.175)	158.297.879.699	47.129.060.469	-	(1.515.282.113)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.475.199.880	952.352.793
Khác	618.855.000	573.546.198
TỔNG CỘNG	<u>2.094.054.880</u>	<u>1.525.898.991</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ủy thác nhập khẩu	11.590.768.871	36.300.287
Nhận ký quỹ, ký cược	1.037.156.772	2.542.470.872
Cổ tức phải trả	40.410.476	5.499.155.476
Khác	6.376.894.374	2.247.982.919
TỔNG CỘNG	<u>19.045.230.493</u>	<u>10.325.909.554</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	-	4.904.835.000
<i>Phải trả bên khác</i>	19.045.230.493	5.421.074.554

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	VND Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	678.980.237.269	2.403.455.189.446	(2.324.336.822.001)	4.627.176.000	762.725.780.714
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	674.141.564.371	2.400.724.732.163	(2.318.539.691.822)	-	756.326.604.712
Vay cá nhân Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	211.496.898	2.730.457.283	(1.169.954.179)	-	1.772.000.002
	4.627.176.000	-	(4.627.176.000)	4.627.176.000	4.627.176.000
Vay dài hạn	33.627.176.000	-	-	(4.627.176.000)	29.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	4.627.176.000	-	-	(4.627.176.000)	-
Vay bên khác (Thuyết minh số 18.3)	29.000.000.000	-	-	-	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	712.607.413.269	2.403.455.189.446	(2.324.336.822.001)	-	791.725.780.714

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5.1 và 8)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	339.111.413.708	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2024	Từ 5,4 đến 7,4	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 275.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 210.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	295.372.824.000	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2024	Từ 5,4 đến 7,3	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	113.527.051.274	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2024 đến ngày 30 tháng 5 năm 2024	Từ 5 đến 6	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	4.229.047.170	Ngày 29 tháng 5 năm 2024	5	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 300.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	4.086.268.560	Ngày 13 tháng 6 năm 2024	Từ 5,4 đến 7,4	Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9 – Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị 62.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VND

TỔNG CỘNG

756.326.604.712

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu xây dựng nhà kho và thanh toán tiền sử dụng đất tại Chi nhánh Cần Thơ. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	<u>4.627.176.000</u>	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 đến ngày 5 tháng 12 năm 2024	8,4	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả
Vay dài hạn

4.627.176.000

-

18.3 Vay dài hạn bên khác

Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương. Chi tiết như sau:

Công ty	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 13)
---------	--------------------	--------------	--------------------	--

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư
Hoa Lâm

Ngày 31 tháng 12
năm 2025

-

Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty
tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương
và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương

Trong đó:

Vay dài hạn

29.000.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	18.744.570.446	209.929.486.240
Cổ tức công bố	-	-	-	(18.208.800.000)	(18.208.800.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.633.988.907	22.633.988.907
Giảm khác	-	-	-	(826.406.063)	(826.406.063)
Số cuối năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	18.343.353.290	209.528.269.084
Năm nay					
Số đầu năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	18.343.353.290	209.528.269.084
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(7.283.520.000)	(7.283.520.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.308.696.975)	(2.308.696.975)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.986.472.894	10.986.472.894
Số cuối năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	19.737.609.209	210.922.525.003

(*) Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2023 ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2023/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 8 năm 2023 với giá trị là 7.283.520.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>182.700.000.000</u>	<u>182.700.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	7.283.520.000	18.208.800.000
Cổ tức đã trả	12.742.265.000	12.740.108.500

19.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000.000	19	42.269.500.000	23
Các cổ đông khác	<u>26.775.000.000</u>	<u>15</u>	<u>19.205.500.000</u>	<u>11</u>
TỔNG CỘNG	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.052.919.375.941	3.065.366.959.976
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.020.950.134.382	3.032.044.458.044
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	31.969.241.559	33.322.501.932
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.818.103.573)	(42.443.555.623)
Hàng bán bị trả lại	(18.997.126.460)	(35.342.540.344)
Chiết khấu thương mại	(2.637.024.811)	(6.037.201.045)
Giảm giá hàng bán	(1.183.952.302)	(1.063.814.234)
DOANH THU THUẦN	<u>3.030.101.272.368</u>	<u>3.022.923.404.353</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	2.998.132.030.809	2.989.600.902.421
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	31.969.241.559	33.322.501.932
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán cho bên khác</i>	3.030.101.272.368	3.022.594.326.823
<i>Doanh thu bán cho các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 27)</i>	-	329.077.530

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	17.113.382.604	13.316.427.058
Chiết khấu thanh toán được hưởng	11.431.208.624	8.452.159.910
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.844.013.366	11.387.489.001
Lãi tiền gửi	48.152.210	170.628.121
TỔNG CỘNG	<u>37.436.756.804</u>	<u>33.326.704.090</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.818.907.190.095	2.812.620.210.195
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.317.262.860	4.634.009.367
Giá vốn dịch vụ cung cấp	227.075.730	1.859.207.909
TỔNG CỘNG	<u>2.821.451.528.685</u>	<u>2.819.113.427.471</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	115.876.140.533	121.591.570.861
Chi phí nhân công	67.566.170.915	63.933.026.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.962.986.121	17.253.776.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.616.526.298	12.381.750.177
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.402.923.878	2.911.226.879
Chi phí bán hàng khác	17.327.533.321	25.111.791.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.950.658.845	45.432.989.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.660.540.499	18.612.524.878
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.945.052.853	11.032.728.158
Chi phí nhân viên quản lý	3.648.978.355	4.204.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.679.106.568	1.478.549.827
Chi phí dụng cụ quản lý	441.185.500	278.241.441
Thuế, phí và lệ phí	133.417.301	104.438.816
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.442.377.769	9.722.506.495
TỔNG CỘNG	<u>163.826.799.378</u>	<u>167.024.560.476</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	53.113.210.262	36.067.811.905
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.757.967.426	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.655.822.311	5.777.202.944
TỔNG CỘNG	<u>64.526.999.999</u>	<u>41.845.014.849</u>

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	508.561.286	479.745.798
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	199.074.075	346.193.016
Khác	309.487.211	133.552.782
Chi phí khác	(2.551.607.132)	(363.492.249)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(1.724.715.422)	-
Các khoản phạt	(387.912.856)	(36.824.898)
Khác	(438.978.854)	(326.667.351)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	<u>(2.043.045.846)</u>	<u>116.253.549</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí hàng hóa	2.818.907.190.095	2.812.620.210.195
Chi phí nhân viên	71.215.149.270	68.137.026.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.850.602.350	37.725.509.506
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.295.632.866	13.860.300.004
Chi phí dự phòng	14.262.315.713	15.666.737.525
Chi phí khác	30.747.437.769	38.128.204.682
TỔNG CỘNG	<u>2.985.278.328.063</u>	<u>2.986.137.987.947</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VoND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>4.703.182.370</u>	<u>5.749.370.289</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>15.689.655.264</u>	<u>28.383.359.196</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	3.137.931.053	5.676.671.839
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	1.151.593.486	-
Chi phí không được trừ	413.657.831	72.698.450
Chi phí thuế TNDN	<u>4.703.182.370</u>	<u>5.749.370.289</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào Công ty Cổ phần Dược Danapha Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty mẹ Cổ đông lớn Công ty con Công ty trong cùng tập đoàn Công ty trong cùng tập đoàn Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cổ tức công bố	4.849.000.000	12.122.500.000
	Cổ tức đã trả	8.485.750.000	8.485.750.000
	Cho thuê kho	-	329.077.530
	Hoàn lại cho thuê kho	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức công bố	1.388.000.000	4.226.950.000
	Cổ tức đã trả	2.656.085.000	2.958.865.000
	Mua hàng hóa	376.769.637	442.772.652
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Mua hàng hóa	-	466.136.121
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	389.683.517	278.230.080

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Bán hàng hóa	-	<u>10.521.001.870</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cho thuê kho	301.403.732	351.403.732
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	986.099.722	1.226.615.991
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	135.772.560	64.864.800
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	63.389.430	92.320.858
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Mua hàng hóa	-	120.506.255
TỔNG CỘNG		1.185.261.712	1.504.307.904
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cổ tức phải trả	-	3.636.750.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức phải trả	-	1.268.085.000
TỔNG CỘNG		-	4.904.835.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND			
	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	957.930.000	1.050.600.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	837.930.000	915.600.000
Bà Đinh Thị Khởi	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2023	717.930.000	785.900.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT	60.000.000	90.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	75.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	10.000.000	-
Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng BKS miễn nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2023	404.909.318	465.900.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	24.000.000	351.694.536
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên BKS	24.000.000	34.000.000
TỔNG CỘNG		3.086.699.318	3.768.694.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê kho và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	8.461.800.000	12.601.466.667
Từ 1 đến 5 năm	19.096.800.000	21.419.333.333
TỔNG CỘNG	<u>27.558.600.000</u>	<u>34.020.800.000</u>

Bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

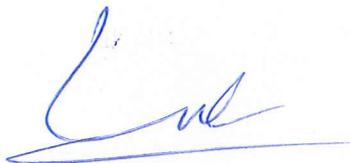
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	<u>220.291.260</u>	<u>449.574.000</u>

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	332.932	19.483
Euro (EUR)	1.187	1.218

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Ngô Anh Tuấn
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng




Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024